

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2020/DS-PT

Ngày 31-7-2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài
sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị An Tiên.**

Các thẩm phán: Bà **Phạm Thị Hồng Vân;**

Bà **Nguyễn Thị Thúy Phượng.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hà Thị Cẩm Vân** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Bà **Nguyễn Thị Thu Sinh** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 09 tháng 6 và ngày 31 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 79/2020/TLPT-DS ngày 11 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 156/2019/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 55/2020/QĐPT-DS ngày **23 tháng 4** năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Phượng L**, sinh năm 1981; Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh;

Người đại diện hợp pháp của chị L: Bà **Mai Thị Kim H**, sinh năm 1960; địa chỉ: Khu phố B, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh - Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 18-5-2020) (Có mặt)

2. Bị đơn: Chị **Dương Thị Kim C**, sinh năm 1985; anh **Lê Văn D**, sinh năm 1981; Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. (Vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của anh D: Anh **Trần Vi Anh T**, sinh năm 1973; Địa chỉ: xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh - Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 22-5-2020) (Có mặt)

3. Người kháng cáo: anh Lê Văn D

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 8 năm 2019 quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Phụng L và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - bà Mai Thị Kim H trình bày:

Do là hàng xóm nên chị L có cho chị C vay tiền 03 lần tổng cộng 160.000.000 đồng; chị C cần tiền để choàng tiền hụi, cụ thể:

Lần 01: Khoảng tháng 11-2018 ngày không nhớ rõ, chị C vay 100.000.000 đồng, có làm giấy mượn nợ không đề ngày tháng năm do chị C viết và vợ chồng chị C, anh D ký tên; không thỏa thuận tính lãi, chị C anh D nói 01 tháng trả lại.

Lần 02: Ngày 01-12-2018, chị C vay 35.000.000 đồng, có làm giấy nợ, tính lãi theo lãi suất theo Ngân hàng, trả nợ vào ngày 07-12-2018.

Lần 03: khoảng 01-02 ngày sau ngày 01/12/2018, chị C vay tiếp 25.000.000 đồng, không làm giấy nợ, tính lãi theo lãi suất theo Ngân hàng, khoản vay này vay tạm vài ngày trả lại.

Các giấy nợ do chị C viết giao cho chị L tại quán cà phê của bà Năm và nhận tiền. Do chị C và anh D là vợ chồng, làm ăn chung, việc chị C làm chủ hụi, vay tiền của chị L anh D đều biết và sau nhiều lần chị L yêu cầu trả tiền thì anh D có hứa trả mỗi tháng 3.000.000 đồng, chị L đồng ý nhưng anh D không thực hiện.

Nay chị L yêu cầu chị C, anh D có nghĩa vụ trả cho chị L 160.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với 25.000.000 đồng, chỉ yêu cầu chị C, anh D có nghĩa vụ trả cho chị L 135.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi.

Bị đơn là anh Lê Văn D trình bày:

Anh và chị C là vợ chồng nhưng vợ anh đã bỏ nhà đi từ tháng 2-2019 đến nay không có tin tức. Anh không vay tiền của chị Trần Thị Phụng L, còn chị C có vay tiền của chị L hay không thì anh không biết. Ngoài ra, trong thời gian còn chung sống, chị C và chị L không thông báo cho anh biết là chị C vay tiền của chị L. Khi chị C bỏ nhà đi thì chị L mới đến nhà anh báo cho anh biết vợ anh vay của chị L 100.000.000 đồng và yêu cầu anh trả nợ. Chữ ký “Văn Dậu” trong giấy mượn nợ ký vay 100.000.000 đồng không phải chữ ký của anh nhưng anh không yêu cầu giám định. Anh không vay tiền cũng không biết chị C vay tiền của chị L để làm gì nên không đồng ý trả.

Tại bản án sơ thẩm số 156/2019/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh quyết định:

- Căn cứ các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 217, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Phượng L về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” đối với chị Dương Thị Kim C và anh Lê Văn D. Buộc chị Dương Thị Kim C và anh Lê Văn D có nghĩa vụ trả cho chị Trần Thị Phượng L số tiền vay 135.000.000 đồng (một trăm ba mươi lăm triệu đồng), ghi nhận chị L không yêu cầu tính tiền lãi.

- Đình chỉ yêu cầu của chị Trần Thị Phượng L đối với chị Dương Thị Kim C và anh Lê Văn D đối với số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng). Chị Trần Thị Phượng L có quyền khởi kiện lại yêu cầu đã rút theo quy định của pháp luật. .

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

*** Nội dung kháng cáo:**

Theo đơn kháng cáo đề ngày 06/01/2020, anh Lê Văn D kháng cáo không đồng ý cùng chị C trả nợ cho chị L vì anh không vay tiền của chị L.

Ý kiến Kiểm sát viên:

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:* Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng qui định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo luật Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa phúc thẩm dân sự.

- *Về việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng:* Điều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội qui phiên tòa.

- *Về nội dung:* Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của anh D; Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 09/6/2020, bà Hoa trình bày, do chị L không biết chữ nên trước khi nhận tiền chị C viết sẵn giấy nợ giao cho chị tại quán cà phê. Do đó chữ viết trong tờ giấy nợ có phải của anh D hay không chị không biết. Tại kết luận giám định số 950/KL-KTHS ngày 07-7-2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Tây Ninh kết luận: không đủ cơ sở kết luận đối với chữ ký mang tên “Văn Dậu”; chữ viết mang tên “Văn Dậu” trên tờ giấy nợ không phải là chữ viết của Lê Văn D. Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh D cùng chị C trả nợ căn cứ vào việc anh D và chị C là vợ chồng, chị C vay tiền để choàng hui mà không phải căn cứ vào việc anh D ký tên vay tiền.

[2] Ở Tòa án cấp phúc thẩm, anh D thừa nhận từ năm 2016 chị C có mở hui để làm chủ thảo nhưng anh đã đề nghị chị C ngưng từ cuối năm 2018; việc chị C

có tiếp tục mở hội nữa không anh không quan tâm. Ngoài ra, anh cũng xác nhận, chi tiêu trong gia đình anh giao cho chị C. Tòa án cấp sơ thẩm xác định việc vay tiền giữa chị C và chị L là giao dịch hợp pháp, được xác lập trong thời kỳ hôn nhân của anh chị nhằm để phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình anh chị; căn cứ Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình, buộc anh D cùng chị C có nghĩa vụ trả nợ cho chị L là có căn cứ. Anh D kháng cáo nhưng không xuất trình được chứng cứ gì mới nên kháng cáo của anh không có cơ sở để chấp nhận; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về chi phí tố tụng: Anh Lê Văn D phải chịu 2.040.000 đồng chi phí giám định.

[4] Về án phí phúc thẩm: Anh D phải chịu tiền án phí phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận. theo quy định tại Khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của anh Lê Văn D; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 156/2019/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh.

- Căn cứ các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016. Tuyên xử

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Phụng L về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” đối với chị Dương Thị Kim C và anh Lê Văn D.

Buộc chị Dương Thị Kim C và anh Lê Văn D có nghĩa vụ trả cho chị Trần Thị Phụng L 135.000.000 đồng (một trăm ba mươi lăm triệu đồng). Ghi nhận chị L không yêu cầu anh D chị C phải trả tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ yêu cầu của chị Trần Thị Phụng L đối với chị Dương Thị Kim C và anh Lê Văn D đối với 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng). Chị Trần Thị Phụng L có quyền khởi kiện lại yêu cầu đã rút theo quy định của pháp luật.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Dương Thị Kim C và anh Lê Văn D phải chịu 6.750.000 đồng (sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Hoàn trả cho chị Trần Thị Phượng L 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0015795 ngày 03 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh

4. Án phí phúc thẩm: Anh Lê Văn D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh D đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000248 ngày 06/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận anh D đã nộp xong khoản tiền này.

5. Chi phí tố tụng: Anh Lê Văn D phải chịu 2.040.000 đồng (Hai triệu không trăm bốn mươi ngàn đồng) chi phí giám định. Ghi nhận đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- TAND H.;
- Chi cục H.;
- Phòng KTNV;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

(Đã ký)

Nguyễn Thị An Tiên

